Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 27.11.2019 16:31:34 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

Số: 1413 /GCN-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH một thành viên Thọ Dung và Biên bản đánh giá ngày 13 tháng 01 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH một thành viên Thọ Dung

Địa chỉ: TK17/18 Nguyễn Cảnh Chân – Phường Cầu Kho – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0309347529

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng Thọ Dung Las- XD 1552

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 480/42 Hoàng Hữu Nam - Phường Long Bình - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1552**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH một thành viên Thọ Dung;
- Sở XD TP. Hồ Chí Minh;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1552

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 1412 /GCN-BXD, ngày 27 tháng 11 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:95
3	- XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
5	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
6	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
7	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
8	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
9	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
10	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
11	- Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:93
12	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
13	- Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
14	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
15	- XĐ KLR, KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
16	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06
17	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
18	- XĐHL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
19	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
20	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
21	- Xác định nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
22	- Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
23	- Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
24	- Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
25	- Xác định hàm lượng Mica	TCVN 7572-20:06
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
26	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 95
27	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 95
28	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 95
29	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 95
30	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 95
31	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 95
32	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 95
33	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202: 95
34	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06
35	- Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
36	- Thử kéo	TCVN 197:2002

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
37	- Thử uốn	TCVN 198:2008
38	- Kiểm tra chất lượng mối hàn_ Thử uốn	TCVN 5401:10
39	- Kiểm tra chất lượng hàn ống_ Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
40	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
41	- Thử kéo bu lông (Thử cắt bu lông, thử nghiệm ren, thân bu lông).	TCVN 1916: 95
	BÊ TÔNG NHỰA	
42	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
43	- Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11
44	- Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
45	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng thể tích của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
46	- Xác định tỷ trọng khối, khối lượn thể tích của BTN đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
47	- Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
48	- Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
49	- Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
50	- Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
51	- Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
52	- Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
53	- Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
	NHỰA BITUM	
54	- Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495: 05
55	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496: 05
56	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497: 05
57	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498: 05
58	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499: 05
59	- XĐ tỷ lệ KLNĐ sau khi ĐN ở 163°C trong 5h so với KL ở 25°C	22 TCN 279:01
60	- Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501: 05
61	- Xác định độ bám dính đối với đá.	TCVN 7504: 05
62	- Xác định lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:05
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
63	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71
64	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
65	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông.	TCVN 9335:12
66	- Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
67	- Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:12
68	- Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
69	- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9365:12
70	- Độ ẩm, khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346:06
71	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
72	- PP thử nghiệm XĐ modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép lớn	22 TCN 211:06
73	- XĐ môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011
74	- Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573-94
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
75	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-06:03
76	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
77	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
78	- Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
79	- Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
80	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
81	- Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
82	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:99
83	- Xác định cường độ nén, xác định độ rỗng, xác định độ hút nước	TCVN 6477:99
	THỬ CƠ LÝ VL.BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N	
84	- Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
85	- Thành phần hạt	22TCN 58-84
86	- Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
87	- Lượng mất khi nung	22TCN 58-84
88	- Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58-84
89	- Hàm lượng nước	22TCN 58-84
90	- Xác định KLR của bộ khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58-84
91	- Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bộ khoáng và nhựa đường	22TCN 58-84
92	- Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58-84
	ỐNG CỐNG BÊ TÔNG LY TÂM	
93	- Kiểm tra khả năng chịu tải theo phương pháp ép 3 cạnh	TCVN 9913:12
94	- Xác định độ thấm hút nước	TCVN 9913:12
	GẠCH TERRAZZO	
95	- Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:13
96	- Xác định độ thấm hút nước	TCVN 7744:13
97	- Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:13
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
98	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
99	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
100	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
101	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355-4:98
102	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
103	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
104	- Thử gạch lát Granito	TCVN 6074:95

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.